

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 146/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 12-11-2018

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngọc.
2. Ông Phan Văn Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 930/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 157/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Võ Thanh H, sinh năm 1971; thường trú: Số 9/2, khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương. (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1984; thường trú: Số 9/2, khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương. (Vắng mặt)

3. *Người làm chứng:* Bà Phan Thị D, sinh năm 1936; thường trú: Số 9/2, khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương. (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/8/2018 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Võ Thanh H đã trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị Nguyễn Thị N tìm hiểu nhau khoảng 01 năm thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 159, ngày 21/10/2002.

Sau khi kết hôn, anh H và chị N sinh sống tại số 9/2, khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Đến tháng 5/2016, do vợ chồng mâu thuẫn nên chị N dọn về nhà ba mẹ sinh sống nhưng thỉnh thoảng có về thăm con, anh H cùng với con vẫn sinh sống ở địa chỉ trên và anh chị sống ly thân cho đến nay.

Anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 5/2016 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, anh H phát hiện chị N không chung thủy, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc, hiện nay mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Nay anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị N.

Về con chung: Quá trình chung sống, anh H và chị N có 01 con chung là Võ Hồng N, sinh ngày 14/8/2003. Sau khi ly hôn, anh H yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu chị N thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung và nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình: Anh H chịu theo quy định pháp luật.

- Quá trình tố tụng, bị đơn chị Nguyễn Thị N đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án, triệu tập làm việc để làm bản tự khai, cung cấp chứng cứ vào ngày 21/9/2018; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 08/10/2018; tham gia phiên tòa vào các ngày 25/10/2018 và ngày 12/11/2018, nhưng chị N vắng mặt không có lý do.

- Biên bản xác minh của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An ngày 20/9/2018 tại UBND phường Đ, thị xã D thể hiện: Hội Liên hiệp phụ nữ phường Đ không tiếp nhận thông tin từ cơ sở phản ánh về mâu thuẫn vợ chồng và về vấn đề chăm sóc, nuôi dạy con chung giữa anh Võ Thanh H và chị Nguyễn Thị N, đồng thời không tiếp nhận đơn yêu cầu hòa giải về quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị N, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo thẩm quyền.

- Biên bản xác minh của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An ngày 02/10/2018 tại Ban điều hành khu phố T, phường Đ, thị xã D thể hiện: Anh Võ Thanh H và vợ là chị Nguyễn Thị N, cùng thường trú số 9/2, khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Quá trình chung sống anh chị đôi lúc cũng cãi vã nhưng không yêu cầu đại diện khu phố hòa giải mâu thuẫn. Tuy nhiên, đến khoảng tháng 5/2016, do vợ chồng mâu thuẫn nên chị N dọn về nhà ba mẹ sống, thỉnh thoảng có về thăm con nhưng thời gian sau này không thấy về nữa, chị N vẫn còn trong hộ khẩu nhà anh H. Sau đó, anh H có báo cho khu phố biết việc chị N làm ăn thua lỗ mắc nợ bỏ đi, có người đến đòi nợ gia đình anh. Nay anh H làm đơn xin ly hôn chị N, đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

- Tại bản tự khai ngày 05/9/2018, con chung của anh H và chị N là Võ Hồng N, sinh ngày 14/8/2003 có ý kiến: Tôi là con ruột của ba Võ Thanh H và mẹ Nguyễn Thị N. Hiện nay tôi đang sống với ba. Nếu ba mẹ tôi ly hôn, tôi xin được sống với ba để ba chăm sóc và lo cho tôi đi học, ý kiến của tôi là hoàn toàn tự nguyện.

- Lời khai của người làm chứng bà Phan Thị D: Tôi là mẹ ruột của Võ Thanh H. Năm 2002, con trai tôi kết hôn với con dâu tôi là Nguyễn Thị N, sau khi kết hôn con dâu tôi nhập hộ khẩu và sống với gia đình tôi tại số 9/2, khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Đến năm 2016, vợ chồng con tôi mâu thuẫn nên con dâu tôi dọn về nhà cha mẹ đẻ sinh sống, thỉnh thoảng có về thăm con nhưng thời gian sau này không thấy về, hiện nay không biết sống ở đâu. Con dâu tôi sinh được 01 cháu là Võ Hồng N, từ nhỏ đến lớn sống với gia đình tôi. Hiện tại con tôi làm thuê, thu nhập cũng vừa đủ để lo cho con, đôi lúc khó khăn nên gia đình cũng hỗ trợ thêm. Quá trình chung sống vợ chồng con tôi ban đầu cũng hạnh phúc, thời gian sau này phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng cũng hay cãi vã, con dâu tôi bỏ nhà đi sống với người khác, không về phụ con tôi chăm sóc, lo cho con ăn học. Hiện tại cả hai sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho con tôi được ly hôn với con dâu tôi.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn anh Võ Thanh H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn chị Nguyễn Thị N được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không tham gia phiên tòa, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định. Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân, anh H và chị N có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng mâu thuẫn từ tháng 5/2016 và đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Những mâu thuẫn anh H trình bày phù hợp với lời khai của người làm chứng. Chị N cũng không đến Tòa án làm việc để trình bày đối với yêu cầu xin ly hôn của anh H. Do đó, anh H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị N là có căn cứ. Về con chung, anh H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung và tự nguyện không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, anh H có thu nhập đảm bảo việc nuôi con nên yêu cầu này của anh là phù hợp. Thực tế từ khi ly thân chị N cũng không quan tâm, phụ giúp anh H nuôi con, anh H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung và nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Anh Võ Thanh H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị N và được nuôi con chung nên đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Võ Thanh H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn chị Nguyễn Thị N được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không tham gia phiên tòa, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Võ Thanh H và chị Nguyễn Thị N là vợ chồng, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 159, ngày 21/10/2002 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Anh H xác định trong quá trình chung sống với chị N xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau, thực tế anh H và chị N đã sống ly thân từ tháng 5/2016 cho đến nay. Anh H trình bày những mâu thuẫn vợ chồng phù hợp với lời khai của người làm chứng và kết quả xác minh tại Ban điều hành khu phố T, phường Đ. Xét mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc, để đạt được mục đích đó vợ chồng phải tôn trọng, thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập đến làm việc nhưng chị N đều vắng mặt không rõ lý do, cũng không đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đồng thời, chị N cũng không có văn bản thể hiện thiện chí đưa ra phương pháp hàn gắn mối quan hệ giữa chị và anh H. Do đó, có cơ sở xác định cuộc sống hôn nhân của anh H và chị N phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh H yêu cầu được ly hôn với chị N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh Võ Thanh H và chị Nguyễn Thị N có 01 con chung là Võ Hồng N, sinh ngày 14/8/2003. Anh H yêu cầu sau khi ly hôn được nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Chị N không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến đối với yêu cầu nuôi con của anh H. Từ khi ly thân đến nay, chị N không quan tâm, không phụ giúp tiền bạc để nuôi con, một mình anh H chăm sóc cho con, lo việc học hành. Hiện nay anh H làm thuê, thu nhập của anh đảm bảo lo cho con, do đó yêu cầu của anh H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp với nguyện vọng của con, có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung và nợ chung: Anh Võ Thanh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình: Anh Võ Thanh H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Võ Thanh H đối với bị đơn chị Nguyễn Thị N.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Võ Thanh H được ly hôn với chị Nguyễn Thị N (Giấy chứng nhận kết hôn số 159, ngày 21/10/2002 do Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương cấp).

- Về con chung: Giao con chung tên Võ Hồng N, sinh ngày 14/8/2003 cho anh Võ Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Võ Thanh H không yêu cầu chị Nguyễn Thị N cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Võ Thanh H và chị Nguyễn Thị N có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đối với con chung chưa thành niên; không ai được lạm dụng việc thăm nom cản trở các quyền này. Vì lợi ích hợp pháp của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung, nợ chung về tài sản: Anh Võ Thanh H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân gia đình: Anh Võ Thanh H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0020042 ngày 28/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- UBND phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Hoàng